

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM THỦY
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 95/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 08/8/2024

V/v tranh chấp “Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM THỦY, TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Thị Khanh; Ông Dương Ngọc Hoàng.

Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Minh Chử - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Lê Văn S, sinh năm 1965; Địa chỉ: Tổ dân phố Quang Trung, thị trấn PS, huyện CT, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- **Bị đơn:** Bà Bùi Thị Ch, sinh năm 1967; Địa chỉ: Tổ dân phố Quang Trung, thị trấn PS, huyện CT, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tờ tự khai nguyên đơn ông Lê Văn S trình bày: Ông và bà Bùi Thị Ch sống Ch vào năm 1988, do không hiểu biết pháp luật nên không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng Ch sống với nhau đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn nên đã sống ly thân nhau từ thời gian đó đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Ch

Về con Ch: Vợ chồng có 02 con Ch là cháu Lê Thành Hoàn, sinh ngày 18/2/1990 và cháu Lê Sỹ Liên, sinh 04/6/1992. Các cháu đã thành niên và tự lập được nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản Ch: Vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn bà Bùi Thị Ch trình bày: Bà và ông S được tự do tìm hiểu và tự nguyện Ch sống với nhau từ năm 1988, nhưng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng Ch sống đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, đã sống ly thân và không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay ông S đề nghị ly hôn bà nhất trí.

Về con Ch: Vợ chồng có 02 con Ch là cháu Lê Thành Hoàn, sinh ngày 18/2/1990 và cháu Lê Sỹ Liên, sinh 04/6/1992. Các cháu đã thành niên và tự lập được nên không yêu cầu giải quyết

Về tài sản Ch: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Theo biên bản xác minh tình trạng hôn nhân tại Ủy ban nhân dân thị trấn PS, huyện CT thì ông Lê Văn S và bà Bùi Thị Ch có hộ khẩu tại TDP Quang Trung, thị trấn Phong Sơn, trong các sổ lưu tại Ủy ban nhân dân thị trấn Phong Sơn không thể hiện ông S và bà Ch có đăng ký kết hôn. Ông S, bà Ch có 02 con Ch là Lê Thành Hoàn, sinh ngày 18/2/1990 và cháu Lê Sỹ Liên, sinh 04/6/1992.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15 và Điều 53, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ Luật TTDS 2015. Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị xử: Về hôn nhân: Không công nhận ông Lê Văn S và bà Bùi Thị Ch là vợ chồng. Về con Ch: Ông S, bà Ch có 02 con Ch là Lê Thành Hoàn, sinh ngày 18/2/1990 và Lê Sỹ Liên, sinh 04/6/1992. Các con đã thành niên và tự lập được nên không yêu cầu giải quyết; Về tài sản Ch, nợ Ch, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Về án phí: Ông Lê Văn S chịu 300.000 đồng án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ông Lê Văn S khởi kiện xin ly hôn bà Bùi Thị Ch có nơi cư trú tại tổ dân phố Quang Trung, thị trấn Phong Sơn, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá nên Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Ông Lê Văn S và bà Bùi Thị Ch có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238

Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông S và bà Ch là có căn cứ,

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Về hôn nhân: Ông Lê Văn S và bà Bùi Thị Ch Ch sống với nhau năm 1988 trên cơ sở tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Căn cứ điểm b, mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội về thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 thì hôn nhân của giữa ông Lê Văn S và bà Bùi Thị Ch là vi phạm luật hôn nhân gia đình về thủ tục đăng ký kết hôn. Do vậy căn cứ theo quy định theo quy định theo khoản 1 điều 9, khoản 2 điều 53 – Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Xử không công nhận ông Lê Văn S và bà Bùi Thị Ch là vợ chồng.

Về con Ch: Ông S, bà Ch thống nhất có 02 con Ch là Lê Thành Hoàn, sinh ngày 18/2/1990 và Lê Sỹ Liên, sinh ngày 04/6/1992. đã thành niên và tự lập được nên không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về tài sản Ch: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Ông Lê Văn S phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự. Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, điều 15, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. **Xử:**

Về hôn nhân: Không công nhận ông Lê Văn S và bà Bùi Thị Ch là vợ chồng.

Về con Ch: Ông S, bà Ch thống nhất có 02 con Ch là Lê Thành Hoàn, sinh ngày 18/2/1990 và Lê Sỹ Liên, sinh 04/6/1992, các con đều đã thành niên và tự lập được không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản Ch, nợ Ch: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Ông Lê Văn S phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí DSST nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 000274 ngày 02/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Thủy. Ông S không phải nộp nữa.

Về quyền kháng cáo: Ông Lê Văn S, bà Bùi Thị Ch có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND huyện Cẩm Thủy;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Thủy;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND thị trấn Phong Sơn;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Cbà Đức